CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CHO KỲ HOẠT HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2010 ĐẾN NGÀY 30/06/2010

Tháng 08, năm 2010

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp Hà Nội đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 từ trang 5 đến trang 26 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Các Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Đinh Hồng Long	Chủ tịch
2. Ông Đào Mạnh Kháng	Phó Chủ tịch
3. Ông Phạm Hồng Hải	Uỷ viên
4. Ông Lưu Quang Minh	Uỷ viên
5. Bà Lương Thị Anh Hà	Uỷ viên
6. Ông Nguyễn Thanh Sơn	Uỷ viên

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Đinh Hồng Long	Tổng Giám đốc	
2. Ông Lưu Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc	
3. Ông Nguyễn Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
4. Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Phó Tổng Giám đốc	
5. Bà Phạm Thị Hà Thương	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 04/05/2010
6. Ông Hoàng Văn Diện	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 04/05/2010

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Hải Yến

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2010 được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 5 đến trang 26 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY Ltd) – Thành viên độc lập của Hãng kiểm toán quốc tế UHY INTERNATIONAL (UHY).

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ BÁO CÁO

Theo tinh thần Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 02/NQ-ĐHCĐ/2010 ngày 19/4/2010 và Quyết định số 589/UBCK-GCN ngày 21/6/2010 của Uỷ ban chứng khoán Nhà nước về cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng, ngày 09/07/2010 Công ty đã chốt danh sách cổ đông và thông báo tăng vốn điều lệ từ 87.020.000.000 đồng, tương ứng 8.702.000 cổ phiếu lên thành 324.533.360.000 đồng, tương ứng 32.453.336 cổ phiếu với thời gian thực hiện từ ngày 16/07/2010 đến ngày 12/08/2010

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ BÁO CÁO (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo yêu cầu phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép và trình bầy hợp lý, đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính đã được lập theo đúng Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Đinh Hồng Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2010

Số. 262 /2010/UHY-BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 của Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp Hà Nội

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp Hà Nội

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") lập tại ngày 30/06/2010 từ trang 05 đến trang 26, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2010 cùng với các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010. Các Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi không phủ nhận ý kiến trên mà chỉ lưu ý người đọc Báo cáo tài chính như sau: Như đã nêu tại thuyết minh số 4.9, giá trị các khoản đầu tư dài hạn bao gồm đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết và các khoản đầu tư dài hạn khác được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2010 theo giá gốc.

Nguyễn Tự Trung	**Nguyễn Thị Phương Thảo**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Chứng chỉ kiểm toán viên số 1226/KTV	Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0933/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2010	Tại ngày 01/01/2010
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**243.940.945.185**	**145.701.230.731**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4.1**	**34.492.688.510**	**7.714.636.862**
Tiền	111		34.492.688.510	7.714.636.862
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**4.2**	**22.726.206.386**	**20.640.953.003**
Đầu tư ngắn hạn	121		24.169.998.520	22.879.991.670
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.443.792.134)	(2.239.038.667)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**160.316.949.998**	**34.861.734.337**
Phải thu khách hàng	131		17.518.277.412	3.995.856.498
Trả trước cho người bán	132		75.105.822.371	13.843.625.591
Các khoản phải thu khác	135	4.3	67.742.725.806	17.072.127.839
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(49.875.591)	(49.875.591)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**4.4**	**6.892.055.698**	**50.907.308.140**
Hàng tồn kho	141		6.892.055.698	50.907.308.140
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**19.513.044.593**	**31.576.598.389**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		324.292.802	3.299.694.518
Thuế GTGT được khấu trừ	152		41.526.870	2.319.341.807
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	265.968.968
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.5	19.147.224.921	25.691.593.096
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**76.543.568.958**	**66.962.183.931**
II. Tài sản cố định	**220**		**4.879.117.275**	**4.668.341.123**
Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	4.879.117.275	4.668.341.123
- Nguyên giá	222		*5.774.620.480*	*5.752.094.871*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		*(895.503.205)*	*(1.083.753.748)*
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**70.019.380.000**	**60.756.380.000**
Đầu tư vào công ty con	251	4.7	259.030.000	249.030.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4.8	850.000.000	4.434.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258	4.9	68.910.350.000	56.669.350.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(596.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**1.645.071.683**	**1.537.462.808**
Chi phí trả trước dài hạn	261		636.442.614	533.157.252
Tài sản dài hạn khác	268		1.008.629.069	1.004.305.556
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**320.484.514.143**	**212.663.414.662**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2010	Tại ngày 01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**194.699.282.074**	**116.272.559.814**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**194.699.282.074**	**116.272.559.814**
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.10	122.225.943.291	62.820.443.031
Phải trả người bán	312		6.253.087.703	2.577.943.736
Người mua trả tiền trước	313		11.154.057.400	16.360.952.430
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.11	9.753.107.738	7.750.949
Phải trả người lao động	315		-	63.300.000
Chi phí phải trả	316		1.043.293.873	940.757.102
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	4.12	43.507.543.031	33.604.876.999
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi, ban điều hành	323		762.249.038	(103.464.433)
II. Nợ dài hạn	**330**		**-**	**-**
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**4.13**	**125.785.232.069**	**96.390.854.848**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**125.785.232.069**	**96.390.854.848**
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		87.020.000.000	87.020.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		504.000.000	504.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(238.601.444)
Quỹ đầu tư phát triển	417		1.209.778.494	227.058.494
Quỹ dự phòng tài chính	418		604.889.247	113.529.247
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		36.446.564.328	8.764.868.551
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**-**	**-**
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**320.484.514.143**	**212.663.414.662**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2010	Tại ngày 01/01/2010
5. Ngoại tệ các loại (USD)			106.098,44	53.959,72

Đinh Hồng Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2010

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**129.167.671.483**	**65.504.837.231**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	8.487.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**	**5.1**	**129.167.671.483**	**65.496.350.231**
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	89.406.107.493	59.839.554.353
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**39.761.563.990**	**5.656.795.878**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	28.169.419.005	2.151.572.463
7. Chi phí tài chính	22	5.4	18.606.284.960	2.204.388.118
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*3.150.932.278*	*1.104.494.450*
8. Chi phí bán hàng	24	5.5	6.225.536.772	589.292.051
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	3.227.350.137	2.855.232.496
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**39.871.811.126**	**2.159.455.676**
11. Thu nhập khác	31		272.813.422	-
12. Chi phí khác	32		49.437.020	-
13. Lợi nhuận khác	**40**		**223.376.402**	**-**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**40.095.187.528**	**2.159.455.676**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	9.848.834.062	508.726.054
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	**60**		**30.246.353.467**	**1.650.729.622**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**		**3.476**	**206**

Đinh Hồng Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2010

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	196.750.202.949	87.299.588.988
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(211.232.816.570)	(102.419.513.688)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.918.677.841)	(1.194.402.885)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(3.795.154.852)	(1.970.538.654)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(15.983.845)	(165.530.544)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	9.147.163.693	2.642.998.970
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(8.564.511.341)	(15.688.788.860)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(19.629.777.807)***	***(31.496.186.673)***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(917.425.818)	(27.700.000)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	272.727.273	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(408.584.453.990)	(22.985.950.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	419.587.866.927	38.612.687.842
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(8.718.920.000)	(1.755.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.920.510.000	-
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.289.315.712	806.988.970
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***5.849.620.104***	***14.651.026.812***
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	362.564.364.750	39.224.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(321.937.653.816)	(25.768.965.280)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(68.501.583)	(1.994.331.317)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***40.558.209.351***	***11.460.703.403***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		**26.778.051.648**	**(5.384.456.458)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**7.714.636.862**	**12.622.827.216**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**34.492.688.510**	**7.238.370.758**

Đinh Hồng Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2010

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") - đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Inconess Hà Nội - được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103016510 ngày 30/03/2007, và thay đổi Đăng ký kinh doanh lần 8 ngày 15/10/2009 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty được cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài số 134/LĐTBXH-GP ngày 26/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh Xã hội.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 6 Tòa nhà Viglacera, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là 87.020 triệu đồng Việt Nam, chia thành 8.702.000 cổ phần phổ thông, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Toàn bộ cổ phiếu của Công ty đăng ký lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội HNX với mã chứng khoán SHN, ngày chào sàn 16/12/2009.

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:
- Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh ôtô, xe máy và phụ tùng ôtô, xe máy;
- Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế phục vụ cho ngành công nghiệp, nông nghiệp;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Tư vấn đầu tư tài chính;
- Dịch vụ ủy thác đầu tư;
- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, hạ tầng giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, hạ tầng đô thị;
- Thiết kế quy hoạch, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Tư vấn, thiết kế công trình đường bộ;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cầu đường;
- Giám sát thi công các công trình xây dựng công nghiệp, dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: bao gồm các dịch vụ môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản (không bao gồm dịch vụ giám định hàng hóa; định giá tài sản thuộc thẩm quyền của Nhà nước; không bao gồm tư vấn giá đất);
- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Kinh doanh sắt, thép, phôi thép và kim loại màu;
- Mua, bán lương thực, thực phẩm, phân bón các loại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN NĂM

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2.2 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

3.1 Áp dụng các Chuẩn mực kế toán và Hệ thống kế toán Việt Nam

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010, Công ty áp dụng Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2009.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian dưới 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu và các khoản đầu tư khác. Các khoản đầu tư ngắn hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán và dự phòng về tổn thất của các khoản đầu tư khác. Giá vốn của chứng khoán đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền mỗi tháng.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu được tại thời điểm cuối kỳ. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

3.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

3.7 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	**Thời gian sử dụng (năm)**
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị văn phòng	3

3.8 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi sổ theo giá gốc. Lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính dựa trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán của các tổ chức kinh tế mà Công ty có tham gia góp vốn. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản phát sinh khác (ngoài lợi nhuận được chia) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp)

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư tài chính khác được lập vào thời điểm cuối kỳ hoạt động là số chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại ngày này. Theo đó, dự phòng giảm giá đối với các loại chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường tại ngày lập báo cáo thấp hơn giá đang hạch toán trên sổ kế toán. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi tổ chức này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỉ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Giá trị các khoản đầu tư dài hạn bao gồm đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết và các khoản đầu tư dài hạn khác trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2010 theo giá gốc.

3.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

3.10 Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC ban hành ngày 15/10/2009 về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Theo đó, Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được phản ánh vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được đánh giá lại và chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư có gốc ngoại tệ này được phản ánh vào Bảng cân đối kế toán Chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái".

3.11 Chi phí đi vay

Các khoản vay của Công ty trong năm gồm các khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Toàn bộ chi phí lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty phát sinh được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 Chính sách ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành, được khách hàng thanh toán hoặc chấp thuận thanh toán.

Giao dịch chứng khoán được coi là thành công khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch khớp lệnh và kết quả thanh toán bù trừ chứng khoán của Trung tâm giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) hay khi thoả thuận về chuyển giao tài sản theo Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

3.13 Thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 25%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.14 Các bên liên quan

Một bên được gọi là bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong các quyết định về hoạt động và tài chính.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Tiền mặt	15.229.989.250	628.818.817
Tiền gửi ngân hàng	19.262.699.260	7.085.818.045
Các khoản tương đương tiền	-	-
Tổng	**34.492.688.510**	**7.714.636.862**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Tại ngày 30/06/2010		Tại ngày 01/01/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Cổ phiếu Đầu tư ngắn hạn	**669.192**	**17.129.697.074**	**433.357**	**15.918.675.224**
Cổ phiếu niêm yết				
Công ty CP Xây lắp dầu khí	154.165	4.667.199.178	-	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 9	33.800	2.118.050.000	-	-
Công ty CP Đầu tư và PT giáo dục HN	109.500	1.987.202.340	-	-
Công ty CP Vận tải Dầu khí	120.000	1.951.317.000	-	-
Công ty CP Thương mại - Dịch vụ Bến Thành	40.820	1.594.340.000	-	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng bưu điện	69.900	1.586.992.125	-	-
Công ty CP Kim khí thành phố Hồ Chí Minh	60.920	1.514.546.333	-	-
Công ty CP Vật liệu XL Đà Nẵng	30.380	890.117.664	-	-
Công ty CP Đông Hải Bến Tre	20.000	519.857.018	-	-
Công ty CP TASCO	-	-	110.800	3.518.571.092
Công ty CP XNK và XD Việt Nam	-	-	45.400	3.039.455.039
Công ty CP Nông dược HAI	-	-	65.200	2.974.698.569
Công ty CP Nông sản Bắc Ninh	-	-	36.000	1.511.295.652
Công ty CP Xi măng Sông Đà	-	-	51.100	1.257.880.000
Công ty CP Sông Đà 25	-	-	31.600	876.820.000
Công ty CP Xây dựng số 7	29.500	295.000.000	10.000	525.777.778
Các cổ phiếu niêm yết khác	207	5.075.416	83.257	2.214.177.094
- Đầu tư ngắn hạn khác		**7.040.301.446**		**6.961.316.446**
Cho các cá nhân và các tổ chức kinh tế vay (*)		7.040.301.446		6.961.316.446
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		**(1.443.792.134)**		**(2.239.038.667)**
Cổ phiếu niêm yết		(1.443.792.134)		(2.239.038.667)
Tổng cộng	**669.192**	**22.726.206.386**	**433.357**	**20.640.953.003**

Ghi chú:(*): Giá trị đầu tư ngắn hạn khác chủ yếu là các khoản Công ty cho các cá nhân vay lại theo quy chế số 02/HĐQT ngày 17/06/2009 của Hội đồng Quản trị về việc huy động vốn nhàn rỗi của các thành viên trong Công ty và các tổ chức hoặc cá nhân ngoài xã hội. Theo quy chế này, các cá nhân có tài sản cho Công ty mượn làm tài sản thế chấp vay vốn ngân hàng thì được vay lại tối đa 65% số tiền mà Công ty được vay với lãi suất theo lãi suất ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.3 Các khoản phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Phải thu tiền bán chứng khoán	53.820.195.738	7.473.842.395
Phải thu về tiền đặt cọc mua chứng khoán	-	3.499.200.000
Ứng tiền góp vốn đầu tư bất động sản	3.052.000.000	-
Phải thu cá nhân về tạm ứng đầu tư tài chính	10.236.244.627	-
Phải thu lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	414.275.000	1.187.350.000
Tiền lãi vay phải thu	220.010.441	522.248.453
Ứng trước tiền của các hợp đồng vay tài sản	-	4.382.400.000
Phải thu khác	-	7.086.991
	67.742.725.806	**17.072.127.839**

Ghi chú: (*) Số phải thu Công ty Cổ phần Cơ điện và Công trình về lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh theo đồng hợp tác liên doanh ngày 22/01/2008 (Xem thêm thuyết minh 4.8).

4.4 Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Chi phí SXKD dở dang	1.720.055.698	3.857.493.144
Hàng hoá	5.172.000.000	47.049.814.996
Giá trị gốc của hàng tồn kho	**6.892.055.698**	**50.907.308.140**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	**6.892.055.698**	**50.907.308.140**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.5 Tài sản ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Tạm ứng	11.853.982.921	8.853.183.096
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.293.242.000	16.838.410.000
- Ký quỹ bằng tiền	7.293.242.000	9.276.910.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Ninh Bắc	-	5.000.000.000
Công ty CP Chứng khoán TM và Công nghiệp Việt Nam	*322.292.000*	3.676.910.000
Công ty Cổ phần chứng khoán MHB	*5.466.810.000*	-
Công ty Cổ phần chứng khoán Thăng Long	*1.504.140.000*	-
Ngân hàng Vietcombank- CN Thành Công	-	600.000.000
- Cầm cố, ký quỹ bằng chứng khoán	-	7.561.500.000
Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt nam	-	7.561.500.000
Tổng	**19.147.224.921**	**25.691.593.096**

4.6 Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2010	**5.572.093.977**	**180.000.894**	**5.752.094.871**
Tăng trong năm	947.425.818	12.900.000	960.325.818
- Tăng do mua mới	*947.425.818*	*12.900.000*	*960.325.818*
Giảm trong năm	937.800.209	-	937.800.209
- Thanh lý, nhượng bán	*425.169.559*	-	*425.169.559*
- Giảm do góp vốn	*512.630.650*	-	*512.630.650*
Tại ngày 30/06/2010	**5.581.719.586**	**192.900.894**	**5.774.620.480**
HAO MÒN LUỸ KẾ			
Tại ngày 01/01/2010	**1.011.420.445**	**72.333.303**	**1.083.753.748**
Khấu hao trong năm	360.737.551	34.928.934	*395.666.485*
- Trích khấu hao trong năm	*360.737.551*	*34.928.934*	*395.666.485*
Giảm trong năm	583.917.028	-	583.917.028
- Thanh lý, nhượng bán	*407.700.229*	-	*407.700.229*
- Giảm do góp vốn	*176.216.799*	-	*176.216.799*
Tại ngày 30/06/2010	**788.240.968**	**107.262.237**	**895.503.205**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2010	**4.560.673.532**	**107.667.591**	**4.668.341.123**
Tại ngày 30/06/2010	**4.793.478.618**	**85.638.657**	**4.879.117.275**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.7 Đầu tư vào công ty con

	Tại ngày 30/06/2010	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
	VND	VND	(%)	(%)
Công ty TNHH XNK Hàng hóa Việt Nam Địa chỉ: Nhà Vườn NB42 K ĐT Trung hòa Nhân Chính - Hà Nội Ngành nghề kinh doanh chính: Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô; buôn bán nông lâm sản, nguyên liệu và động vật sống.	259.030.000	2.000.000.000	100%	100%
Tổng	**259.030.000**			

4.8 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Đầu tư liên doanh:

Tại ngày 30/06/2010, số dư khoản đầu tư vào hoạt động liên doanh là 850.000.000 đồng.

Hợp đồng hợp tác liên doanh được ký ngày 22/01/2008 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (Bên B) với Công ty Cổ phần Điện cơ và Công trình (Bên A) với nội dung: "Đầu tư góp vốn liên doanh cung cấp đệm vi sinh cho các trạm xử lý nước thải Bệnh viện trong năm 2008". Tổng giá trị hợp đồng là 1.050.000.000 đồng.

Ngay sau khi ký kết hợp đồng, Bên B chuyển cho Bên A số tiền là 50% giá trị hợp đồng để sản xuất đệm vi sinh và khi có đơn vị vào thi công trạm xử lý nước thải, Bên B chuyển tiếp 50% số tiền còn lại cho Bên A để đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho sản xuất.

Lợi nhuận của dự án được phân chia như sau: Sau khi hoàn thành các nghĩa vụ về tài chính theo quy định (trừ chi phí thuế phải nộp cho Nhà nước, tiền lãi vay 1,5%/tháng phải trả cho Bên B, phí quản lý 2% phải trả cho Bên A), lợi nhuận còn lại được phân chia theo tỷ lệ 50/50 cho mỗi bên góp vốn. Trong kỳ kết quả nhận được từ liên doanh bao gồm: Tiền lãi vay 76.925.000 đồng, tiền lợi nhuận được hưởng theo biên bản phân chia ngày 28/12/2009 là 850.000.000 đồng.

Theo Phụ lục Hợp đồng số 04/HANIC - CĐ ký ngày 01/04/2010, hai Bên tiếp tục gia hạn hợp đồng liên doanh thêm 04 tháng, từ ngày 01/04/2010 đến hết ngày 31/07/2010 với các điều kiện khác trong hợp đồng liên doanh không thay đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.9 Đầu tư dài hạn khác

Đơn vị tính: VND

	Tại ngày 30/06/2010		Tại ngày 01/01/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư dài hạn khác				
- Đầu tư cổ phiếu dài hạn	**-**	**24.925.350.000**	**-**	**15.319.350.000**
Cổ phiếu niêm yết	-	***-***	***60.000***	***1.100.000.000***
+ Cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư Châu Á thái bình dương	-	-	60.000	1.100.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	***1.679.035***	***24.925.350.000***	***869.035***	***14.219.350.000***
+ Cổ phiếu công ty CP PV INCONESS	789.035	11.739.350.000	789.035	11.739.350.000
+ Quyền mua cổ phiếu của công ty CP chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	462.000	6.930.000.000	-	-
+ Cổ phiếu công ty CP Chứng khoán Hà nội	60.000	2.100.000.000	60.000	2.100.000.000
+ Cổ phiếu công ty CP phát triển hạ tầng Hà Nội	200.000	2.000.000.000	-	-
+ Cổ phiếu công ty CP Đầu tư Tài chính Findex	148.000	1.776.000.000	-	-
+ Cổ phần Tổng công ty cổ phần Điện tử tin hoc	20.000	380.000.000	20.000	380.000.000
- Đầu tư dài hạn khác		**43.985.000.000**		**41.350.000.000**
+ Dự án khu nhà ở văn phòng Tây Mỗ		25.000.000.000		25.000.000.000
+ Dự án toà nhà văn phòng và khu chung cư cao cấp Mỹ Đình		5.655.000.000		6.655.000.000
+ Dự án Khu biệt thự Quang Hương		800.000.000		800.000.000
+ Công ty CP Thủy điện Đăkpru HANIC		1.680.000.000		1.680.000.000
+ Công ty CP XNK Bắc Kạn		-		1.365.000.000
+ Công ty CP Xuân Minh SD Thanh Hoa		5.850.000.000		5.850.000.000
+ Dự án Trạm thu phí Hoàng Mai		5.000.000.000		-
Tổng cộng	**1.679.035**	**68.910.350.000**	**929.035**	**56.669.350.000**

Ghi chú: Khoản đầu tư dài hạn vào cổ phiếu chưa niêm yết và các khoản đầu tư dài hạn khác được trình bày theo giá gốc.

4.10 Vay và nợ ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Ngân hàng Eximbank - Chi nhánh Long Biên	8.695.046.525	9.789.047.824
Ngân hàng Habubank - Chi nhánh Hàng Trống	-	34.784.495.207
Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Thành công	2.915.063.919	2.192.400.000
Ngân hàng Techcombank - Hội sở	50.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán TM và Công nghiệp Việt Nam	7.804.000.000	7.456.100.000
Công ty Cổ phần chứng khoán MHB	30.006.962.000	-
Công ty Cổ phần chứng khoán Thăng Long	2.367.500.847	-
Vay các cá nhân	20.437.370.000	8.598.400.000
Tổng	**122.225.943.291**	**62.820.443.031**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	9.582.865.093	-
Thuế thu nhập cá nhân	170.242.645	7.750.949
Tổng	**9.753.107.738**	**7.750.949**

Ghi chú (*): Thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này tạm trích theo kết quả kinh doanh và được quyết toán khi năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2010.

4.12 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Bảo hiểm xã hội	21.570.120	-
Bảo hiểm y tế	4.412.064	-
Bảo hiểm thất nghiệp	1.960.920	-
Công ty Quản lý quỹ Dầu khí toàn cầu (1)	24.000.000.000	24.000.000.000
Tiền hợp tác đầu tư chứng khoán (2)	12.010.674.903	3.347.518.000
Phải trả mua quyền phát hành cổ phiếu VIG (3)	5.164.800.000	-
Ông Đỗ Trung Thiện	2.000.000.000	2.000.000.000
Cổ tức phải phải trả cổ đông	-	124.289.207
Phải trả các hợp đồng mua chứng khoán có kỳ hạn	-	3.800.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	304.125.024	333.069.792
Tổng	**43.507.543.031**	**33.604.876.999**

Ghi chú:
(1) Công ty Quản lý Quỹ Dầu khí toàn cầu chuyển cho Công ty 24 tỷ đồng theo Hợp đồng số 01/HANIC-GP.FUND FUND và Biên bản thống nhất ngày 16/05/2009 giữa Công ty và Công ty quản lý quỹ dầu khí toàn cầu (GP.FUND) về việc thỏa thuận chuyển nhượng quyền tham gia góp 15% vốn đầu tư dự án Tây Mỗ.
(2) Số phải trả về tiền hợp tác đầu tư chứng khoán theo các Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán với Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long (MHBS) - Chi nhánh Hà Nội, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Công ty chứng khoán Đại Tây Dương và Công ty Cổ phần chứng khoán Thăng Long.
(3) Số tiền còn lại phải trả khi Công ty thực hiện quyền mua chứng khoán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam phát hành, tổng giá trị hợp đồng là 11.664.000.000 đồng tương đương 972.000 cổ phiếu với giá 12.000đồng/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.13 Vốn chủ sở hữu

13a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Tại ngày 30/06/2010		Tại ngày 01/01/2010	
	'000VND	**Số cổ phiếu**	**'000VND**	**Số cổ phiếu**
Vốn góp của cổ đông sáng lập	24.900.000	2.490.000	24.900.000	2.490.000
Công ty CP Dịch vụ Hỗ trợ DN và Tư vấn Đầu tư	*1.000.000*	*100.000*	*1.000.000*	*100.000*
Công ty CP Sông Đà 12	*1.000.000*	*100.000*	*1.000.000*	*100.000*
Công ty CP Công nghiệp Thương mại Sông Đà	*1.000.000*	*100.000*	*1.000.000*	*100.000*
Ông Đinh Hồng Long	*7.000.000*	*700.000*	*7.000.000*	*700.000*
Ông Đào Mạnh Kháng	*2.800.000*	*280.000*	*2.800.000*	*280.000*
Ông Phạm Hồng Hải	*2.000.000*	*200.000*	*2.000.000*	*200.000*
Bà Lương Thị Anh Hà	*1.500.000*	*150.000*	*1.500.000*	*150.000*
Ông Lưu Quang Minh	*2.000.000*	*200.000*	*2.000.000*	*200.000*
Ông Nguyễn Thanh Sơn	*2.500.000*	*250.000*	*2.500.000*	*250.000*
Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	*700.000*	*70.000*	*700.000*	*70.000*
Cổ đông sáng lập khác	*3.400.000*	*340.000*	*3.400.000*	*340.000*
Vốn góp của cổ đông khác	62.120.000	6.212.000	62.120.000	6.212.000
Tổng cộng	**87.020.000**	**8.702.000**	**87.020.000**	**8.702.000**

13b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Năm 2009
	VND	**VND**
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- *Vốn góp đầu năm*	*87.020.000.000*	*80.000.000.000*
- *Vốn góp tăng trong năm*	-	*7.020.000.000*
- *Vốn góp giảm trong năm*	-	-
- *Vốn góp cuối năm*	*87.020.000.000*	*87.020.000.000*
Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	2.340.000.000

13c. Cổ tức

	Năm 2010	Năm 2009
Cổ tức theo kế hoạch	15%	10%
+ Cổ tức tạm chia trong kỳ	*0%*	*3%*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

13. Vốn chủ sở hữu (tiếp)

13d. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2010	Tại ngày 01/01/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.702.000	8.702.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.702.000	8.702.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*8.702.000*	*8.702.000*
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.702.000	8.702.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*8.702.000*	*8.702.000*
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/CP)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

13e. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái (3)	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2009	**80.000.000.000**	**7.524.000.000**	**-**	**(2.000.000.000)**	**227.058.494**	**113.529.247**	**264.261.647**	**86.128.849.388**
Tăng vốn trong năm trước	7.020.000.000	(7.020.000.000)	-	2.000.000.000	-	-	-	2.000.000.000
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	-	10.905.576.904	10.905.576.904
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	(2.340.000.000)	(2.340.000.000)
Tăng/(Giảm) khác	-	-	(238.601.444)	-	-	-	(64.970.000)	(303.571.444)
Tại ngày 31/12/2009	**87.020.000.000**	**504.000.000**	**(238.601.444)**	**-**	**227.058.494**	**113.529.247**	**8.764.868.551**	**96.390.854.848**
Tại ngày 01/01/2010	**87.020.000.000**	**504.000.000**	**(238.601.444)**	**-**	**227.058.494**	**113.529.247**	**8.764.868.551**	**96.390.854.848**
Lợi nhuận kỳ này	-	-	-	-	-	-	30.246.353.467	30.246.353.467
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	982.720.000	491.360.000	(1.474.080.000)	-
Tăng/(Giảm) khác (*)		-	238.601.444	-	-	-	(1.090.577.690)	(851.976.246)
Tại ngày 30/06/2010	**87.020.000.000**	**504.000.000**	**-**	**-**	**1.209.778.494**	**604.889.247**	**36.446.564.328**	**125.785.232.069**

Ghi chú (*):
- Hoàn nhập số chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền gửi ngân hàng và tiền vay ngắn hạn có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 31/12/2009: 238.601.444 đồng.
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng ban điều hành theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2010 số 02/NQ-ĐHCĐ/2010 ngày 19/4/2010 với số tiền lần lượt là 982.720.000 đồng và 107.857.690 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**129.167.671.483**	**65.504.837.231**
- Doanh thu bán hàng	94.735.998.264	61.240.480.172
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	34.431.673.219	4.264.357.059
Các khoản giảm trừ doanh thu	**-**	**8.487.000**
- Hàng bán bị trả lại	-	8.487.000
Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	**129.167.671.483**	**65.496.350.231**

5.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Giá vốn hàng bán	89.406.107.493	59.839.554.353
Tổng	**89.406.107.493**	**59.839.554.353**

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.833.574.342	1.246.139.565
Lãi đầu tư chứng khoán ngắn hạn	25.217.826.668	714.059.898
Cổ tức lợi nhuận được chia	912.897.500	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	31.753.606	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	173.366.889	191.373.000
Tổng	**28.169.419.005**	**2.151.572.463**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

5.4 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Chi phí lãi vay	3.150.932.278	1.104.494.450
Lỗ đầu tư chứng khoán ngắn hạn	12.074.852.150	1.099.893.668
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.287.599.841	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư cổ phiếu	(1.391.246.533)	-
Chi phí tài chính khác	3.484.147.224	-
Tổng	**18.606.284.960**	**2.204.388.118**

5.5 Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Chi phí bán hàng nhân viên	958.499.835	112.182.698
Chi phí vật liệu, bao bì	83.142.380	8.990.503
Chi phí khấu hao TSCĐ	88.612.798	84.447.474
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.954.361.579	330.439.696
Chi phí bằng tiền khác	1.140.920.180	53.231.680
Tổng	**6.225.536.772**	**589.292.051**

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Chi phí nhân viên	1.490.119.872	1.461.692.357
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	340.298.215	236.278.356
Chi phí khấu hao TSCĐ	305.923.687	144.670.082
Chi phí thuế, phí, lệ phí	163.260.466	143.422.560
Chi phí dịch vụ mua ngoài	661.021.153	645.601.942
Chi phí bằng tiền khác	266.726.744	223.567.199
Tổng	**3.227.350.137**	**2.855.232.496**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

5.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**40.095.187.528**	**2.159.455.676**
Các khoản điều chỉnh khỏi thu nhập chịu thuế	912.897.500	124.551.460
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	*912.897.500*	*124.551.460*
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Điều chỉnh giảm chi phí tính thuế	213.046.219	-
- Phạt hành chính	*15.983.845*	-
- Chi phí lãi vay vượt mức 1,5 lần lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà Nước quy định	*197.062.374*	-
Tổng thu nhập chịu thuế	**39.395.336.247**	**2.034.904.216**
Chi phí thuế TNDN ước tính theo thuế suất 25%	9.848.834.062	508.726.054
Chi phí thuế TN doanh nghiệp hiện hành	**9.848.834.062**	**508.726.054**

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Vay bên liên quan	
Ông Đinh Hồng Long	
Vay ngắn hạn	*12.150.000.000*
Nợ gốc vay đã trả	*12.150.000.000*
Lãi vay	*625.256.561*
Lãi vay đã trả	*625.256.561*
Cho vay bên liên quan	
Ông Lưu Quang Minh	
Vay ngắn hạn	*588.316.000*
Nợ gốc vay đã trả	*1.798.316.000*
Giao dịch khác	
Ông Nguyễn Thanh Sơn	
Nhận tiền ứng trước mua cổ phần	*1.500.000.000*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)

Số dư với các bên liên quan:

	Tại ngày 30/06/2010 VND
Nhận tiền ứng trước mua cổ phần	
Ông Nguyễn Thanh Sơn	1.500.000.000

6.2 Số liệu so sánh

Phân loại số đầu năm

Trong kỳ Công ty áp dụng Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 31/12/2009. Do đó, số dư Quỹ khen thưởng, phúc lợi tại ngày 01/01/2010 được phân loại lại. Số dư Quỹ khen thưởng, phúc lợi Mã số 431 tại ngày 01/01/2010 giảm đi số tiền 103.464.433 đồng, số dư Quỹ khen thưởng phúc lợi, ban điều hành Mã số 323 tăng lên số tiền tương ứng.

Ngoài số liệu đầu năm được phân loại nêu trên, số liệu so sánh cho Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009. Số liệu so sánh cho báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là các số liệu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Đinh Hồng Long	**Nguyễn Thị Hải Yến**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**

Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2010